

Bản án số: 364/2017/HC-PT
Ngày 26 - 12- 2017
V/v: Khởi kiện Quyết định hành
chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Võ Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Huy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Song Lê,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 83/2017/TLPT-HC ngày 18 tháng 7 năm 2017 về “Khởi kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 08/2017/HC-ST ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4364/2017/QĐPT-HC ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn A và bà Hoàng A1; Cùng địa chỉ: Số nhà 117, tổ 4, Thị trấn X, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Ngô K - Văn phòng luật sư G, Đoàn luật sư tỉnh Hà Giang.

Người khởi kiện và luật sư có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn B - Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 20/ 9/2017). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Lại Thị H, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh Hà Giang. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Minh H, Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 01 năm 2017). Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Ông NLC 1, địa chỉ: Tổ 03, Thị trấn X, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Bà NLC 2, địa chỉ: Tổ 01, Thị trấn X, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Ông NLC 3, địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Bà NLC 4, địa chỉ: Tổ 01, Thị trấn X, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Ông NLC 5, địa chỉ: Thôn Cốc Pài, Thị trấn X, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Bà NLC 6, đơn vị công tác: Trường cao đẳng C.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn A và bà Hoàng A1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2016 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông Nguyễn A bà Hoàng A1 trình bày:

Gia đình ông, bà có sử dụng 01 thửa đất diện tích 379,57m² phía sau Phòng giáo dục huyện Y tại tổ 4, Thị trấn X, huyện Y, tỉnh Hà Giang, do Phòng Giáo dục huyện Y cho mượn từ năm 1990 (có biên bản họp cơ quan ngày 26 tháng 01 năm 1990). Năm 2011, ông, bà làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSD đối với thửa đất nêu trên, nhưng UBND huyện Y đã không công nhận quá trình sử dụng đất của gia đình. Năm 2012, cán bộ Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Y đã câu kết với ông Vương M để cấp GCNQSD cho ông M tổng diện tích 1.056,3m² đất trong đó có phần đất của vợ chồng ông là trái quy định của pháp luật. Tháng 11 năm 2014, ông đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Y yêu cầu giải quyết việc hộ ông Vương M được cấp Giấy CNQSD đất lấn sang đất gia đình ông và đồng thời đề nghị UBND huyện Y cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình ông.

Ngày 26 tháng 11 năm 2016, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định 3628/QĐ-UBND có nội dung “*Điều 1: Hủy Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2012 của UBND huyện Y và thu hồi Giấy CNQSD đất BI039558 đã cấp cho ông Vương M và bà Dương L do đã cấp sai diện tích đất theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 06 Luật đất đai 2003; ông Nguyễn A và bà Hoàng A1 không có quá trình sử dụng đất ổn định đối với 379,57m² đất trồng cây lâu năm khác, do vậy không đủ điều kiện để Nhà nước công nhận quyền sử dụng diện tích đất nêu trên theo quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013*”. Ông, bà không nhất trí với nội dung trả lời nêu trên, đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang. Ngày 01/9/2016 Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định số 2047/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2, Quyết định có nội dung:

“Điều 1: Giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn A như sau:

1. Giữ nguyên Điều 1 của Quyết định 3628/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2 của Chủ tịch UBND huyện Y;

2. Ông Nguyễn A không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 379,57m² (đất trồng cây lâu năm).

...

Điều 2: Về xử lý diện tích 957,3m² đất sai phạm và cán bộ có liên quan như sau:

...4: Hủy bỏ 3 GCNQSD đất của ông Lý A P, ông Trần Đ và bà Vương H do nhận chuyển nhượng, tặng cho đất của ông Vương M và thực hiện việc cấp đổi GCNQSD đất cho 3 hộ (hiện đang sử dụng đất) sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền do hưởng lợi bất hợp pháp do chuyển nhượng, tặng cho.

...”

Đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2016 và lời trình bày tại Tòa án, ông Nguyễn A, bà Hoàng A1 yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2047/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang với lý do: Diện tích đất 379,57m² (đất trồng cây lâu năm) do gia đình ông bà khai phá và sử dụng ổn định từ năm 1990 cho đến nay, đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất. Ông Dương M đã gian dối làm thủ tục để được cấp GCN cả phần đất của ông bà sau đó làm thủ tục chuyển nhượng, tặng cho 3 người và tách làm 3 thửa, UBND huyện Y đã cấp 3 GCN cho ông Lý A P, ông Trần Đ, bà Vương H, đều là không đúng. Do đó, ông yêu cầu hủy đoạn 4 Điều 2 của Quyết định nêu trên vì đất là của ông, bà.

Kèm theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn A bà Hoàng A1 cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc đất và việc sử dụng đất của vợ chồng ông là: Biên bản họp cơ quan ngày 26/01/1990; Giấy chứng nhận ngày 30/11/2014 của ông NLC 1; Giấy xác nhận ngày 26/3/2015 của bà Nguyễn Thị M (bản photocopy); Giấy chứng kiến ngày 16/12/2015 của bà NLC 2 (bản photocopy); Giấy chứng kiến ngày 08/4/2016 của ông D; Giấy chứng nhận ngày 25/4/2016 của ông NLC 3; Giấy chứng kiến việc khai phá đất và trồng cây, hoa màu (không có ngày tháng năm) của bà NLC 6; Giấy chứng nhận ngày 18/12/2015 của bà Trần Thị H (bản photocopy); Giấy chứng nhận ngày 22/12/2015 của ông NLC 5 (bản photocopy), Biên bản về việc hòa giải đất đai của hộ ông Nguyễn A với hộ Vương M.

Ủy ban nhân dân huyện Y trình bày:

Ngày 04/5/2015 ông A, bà A1 có đơn khiếu nại Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 11/01/2012 của UBND huyện Y về việc cấp đổi Giấy CNQSD đất, trong đó cấp sai pháp luật 957,3m² đất trồng cây lâu năm khác cho ông Vương M, bà Dương L đến Chủ tịch UBND huyện Y. Ông A, bà A1 cho rằng trong tổng diện tích đất nêu trên có 379,57m² đất do gia đình ông mượn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Y và đã sử dụng ổn định từ năm 1990 đến năm

2012, ông bà đã có đơn ngày 15/02/2011 đề nghị cấp GCNQSD đất nhưng không được xem xét, giải quyết. Ông bà đề nghị UBND huyện Y thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho ông M, bà L; trả lại cho ông bà 379,57m² đất nói trên. Ngày 26/11/2016, Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Quyết định 3628/QĐ-UBND có nội dung hủy Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 11/01/2012 của UBND huyện Y, thu hồi Giấy CNQSD đất BI039558 đã cấp cho ông Vương M và bà Dương L do đã cấp sai diện tích đất theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013. Do ông Nguyễn A, bà Hoàng A1 không có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất, không có quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục đối với phần đất này, nên cũng không đủ điều kiện để Nhà nước công nhận quyền sử dụng. Quan điểm của UBND huyện Y đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A và bà Hoàng A1.

Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang trình bày:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn A vợ là bà Hoàng A1 đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 3628/QĐ-UBND ngày 26/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang đã căn cứ vào Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật khiếu nại; Nghị định số 75/2012/NQ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, tiến hành thủ tục xem xét giải quyết khiếu nại. Qua xác minh về quá trình sử dụng đất, căn cứ các giấy tờ ông Nguyễn A, bà Hoàng A1 xuất trình thì ông, bà không có một trong các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng diện tích đất 379,57m² theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai 2003 (quy định tại khoản 1 Điều 21; Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai). Căn cứ kết quả xác minh đơn khiếu nại, Thanh tra tỉnh Hà Giang có Báo cáo số 55/BC-TTtr ngày 28/7/2016 về kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn A, ngày 01/9/2016 Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định số 2047/QĐ-UBND và khẳng định: Diện tích 379,57m² nằm một phần trong thửa đất thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 13 có tổng diện tích 1.559m², thửa đất này theo Hồ sơ địa chính (tại sổ mục kê ghi theo tờ bản đồ số 13 nêu trên) thuộc đất của UBND Thị trấn X quản lý. Do đó, ông A, bà A1 đề nghị cấp GCNQSD đất là không có căn cứ chấp nhận.

Người bị kiện có quan điểm Quyết định số 2047/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn A là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A và bà Hoàng A1.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 08/2017/HC-ST ngày 01/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 368 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 14 Điều 22, khoản 3 Điều 23, khoản 1 Điều 100, Điều

101 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A bà Hoàng A1 về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang.

Về án phí: Ông Nguyễn A phải chịu 100.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng và được trả lại số tiền còn lại là 100.000 đồng theo số biên lai BB/2012/02607 ngày 30/11/2016 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; bà Hoàng A1 phải chịu 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng và được trả lại số tiền còn lại là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) theo số biên lai BB/2012/02608 ngày 30/11/2016 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

Về chi phí tố tụng: Trả lại cho ông Nguyễn A bà Hoàng A1 số tiền chi phí cho người làm chứng là 2.400.000 đồng theo phiếu thu số 01/7/2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Bản án sơ thẩm còn thông báo về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/6/2017, ông Nguyễn A và bà Hoàng A1 có đơn kháng cáo; ngày 28/8/2017 có đơn kháng cáo bổ sung. Nội dung đơn không đồng ý với Quyết định của Bản án sơ thẩm: Về thủ tục tố tụng, tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận bà Đoàn H, cán bộ văn phòng UBND tỉnh Hà Giang là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là không khách quan, trong khi đó người bị kiện không tham gia phiên tòa sơ thẩm là không bảo đảm quyền lợi cho người khởi kiện. Về nội dung: Căn cứ nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 101 Luật đất đai 2013, hủy đoạn 2 Điều 1; hủy mục 4 Điều 2 Quyết định 2047/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang, công nhận ông bà có quyền sử dụng 379,5m² đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện xác định không rút đơn khởi kiện; người khởi kiện và người bị kiện xác định không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn A, bà Hoàng A1 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Luật sư Ngô K đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy đoạn 2 Điều 1; hủy mục 4 Điều 2 Quyết định 2047/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang vì phần đất 379,57m² là của ông A, bà A1 được Phòng Giáo dục huyện Y giao sử dụng từ 1990 đến năm 2012, có nhiều người làm chứng xác nhận. Ông bà đã sử dụng ổn định trồng hoa màu, sau đó trồng trẩu đến năm 2012 mới tranh chấp do ông M được cấp GCN lấn sang phần đất này. Ngoài ra, trong báo cáo số 266, UBND Thị trấn X đã xác nhận sổ sách địa chính không thể hiện đất này của UBND quản lý. Do đó, ông A bà A1 đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng

đất. UBND huyện Y, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang đã xác định đất này không phải của ông M, ông chuyển nhượng trái pháp luật nhưng lại không giải quyết công nhận đất của của ông A, bà A1 mà cho 3 hộ dân được cấp GCN, là không đúng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là bà Đoàn H trình bày: Quá trình giải quyết khiếu nại của ông A, bà A1 đối với Quyết định số 3628/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Y, Chủ tịch UBND tỉnh đã yêu cầu ông, bà cung cấp giấy tờ để chứng minh đã được giao đất hợp pháp, giấy tờ khác về quyền sử dụng đất nhưng ông bà không có gì ngoài Biên bản họp năm 1990 của Phòng Giáo dục huyện, trong khi đất này không phải của Phòng giáo dục. Thực tế ông, bà cũng không quản lý, sử dụng ổn định, liên tục; trên đất cũng không có tài sản gì, nên không đủ căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Quyết định số 2047/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang là đúng pháp luật; đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện UBND huyện Y trình bày: Địa phương chưa lập hồ sơ địa chính đất đai tại khu vực này trước năm 1997, nên không xác định được trước năm 1990 đất đã giao cho cơ quan, cá nhân nào; năm 1997 mới lập bản đồ, sổ mục kê. Theo sổ mục kê gốc, phần đất này thuộc thửa đất số 22 diện tích 1559m²; sổ mục kê gốc có ghi chủ sử dụng là UBND (mục viết màu xanh), nhưng sau đó bị sửa chữa thành tên ông M (mục viết màu đỏ). Phòng TNMT đã dựa vào sửa chữa này trình hồ sơ để UBND huyện cấp GCN cho ông M theo sửa chữa này là sai, sau đó UBND huyện đã thu hồi GCN và đã xử lý cá nhân có sai phạm. Về phía ông A, bà A1 không có giấy tờ hợp lệ về đất, chưa kê khai đăng ký đứng tên trong sổ sách địa chính, không có tên trong bản đồ, sổ mục kê; không sử dụng đất ổn định, liên tục nên không đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. UBND huyện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông A, bà A1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính

Về nội dung: Ông A, bà A1 cho rằng 379,57m² đất do ông bà mượn của Phòng giáo dục huyện từ năm 1990, nhưng đất Phòng giáo dục huyện Y không phải là cơ quan có thẩm quyền giao đất theo quy định của luật đất đai. Tại phiên tòa hôm nay, ông A, bà A1 cũng thừa nhận từ năm 1998 do không có điều kiện nên đã không tiếp tục canh tác trồng thêm cây cối gì, sau này trên đất chỉ còn 1 cây trầu nhưng cũng đã chết khô. Về diện tích đất sử dụng, ông bà cũng khai không thống nhất và thừa nhận đến năm 2011 mới có đơn kê khai đăng ký xin cấp GCN. Như vậy có đủ cơ sở xác định ông A, bà A1 không có quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, nên không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử

dụng đất hợp theo quy định tại Điều 100, 101 Luật đất đai 2013. Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông A, bà A1 là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Ngày 30/6/2016, ông Nguyễn A, bà Hoàng A1 có đơn khởi kiện đối với Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn A” với lý do đã không chấp nhận yêu cầu về việc công nhận quyền sử dụng 379,57m² đất là của ông, bà. Ngày 01/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn A và bà Hoàng A1 là hợp lệ, đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 206, và khoản 2 Điều 209 Luật tố tụng hành chính, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhận định đánh giá đúng tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính số 2047/QĐ-UBND ngày 01/9/2016. Trong Quyết định này, ngoài nội dung giải quyết khiếu nại của ông A, bà A1 yêu cầu công nhận quyền sử dụng 379,5m² đất, còn có các nội dung khác như: Xử lý 635m² đất thu hồi của ông Vương M, xử lý những cá nhân sai phạm trong việc cấp GCNQSD đất cho ông M và cá nhân nhận chuyển nhượng đất,... Đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện đều chỉ yêu cầu hủy *đoạn 2 Điều 1 và hủy mục 4 Điều 2 Quyết định 2047/QĐ-UBND* để từ đó công nhận quyền sử dụng 379,5m² đất cho ông, bà. Bản án sơ thẩm cũng chỉ nhận định xem xét về 2 nội dung nêu trên của Quyết định 2047/QĐ-UBND. Các đơn trình bày gửi tòa án cấp phúc thẩm và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện, luật sư bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện cũng chỉ yêu cầu xem xét về đoạn 2 Điều 1 và hủy mục 4 Điều 2 Quyết định 2047/QĐ-UBND có nội dung quyết định liên quan đến 379,57m² đất, các nội dung khác nhất trí với Quyết định. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định phạm vi khởi kiện và giải quyết trong vụ án hành chính là đoạn 2 Điều 1 và mục 4 Điều 2 của Quyết định 2047/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang.

[2] Về kháng cáo của ông A, bà A1:

- Ông A, bà A1 cho rằng cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn xin xét xử vắng mặt của người bị kiện và chấp nhận bà Đoàn H tham gia tố tụng với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là không bảo đảm quyền lợi

cho người khởi kiện:

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bà Đoàn H tham gia tố tụng với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 61 Luật tố tụng hành chính. Người khởi kiện đã có văn bản ủy quyền cho cấp phó của mình là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang tham gia tố tụng theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật tố tụng hành chính. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, người bị kiện đã có văn bản trình bày ý kiến, cung cấp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang đã tham gia phiên đối thoại, kiểm tra giao nộp công khai chứng cứ vào ngày 27/3/2017; trước phiên tòa ngày 17/5/2017 đã có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do có công tác đột xuất. Phiên tòa sơ thẩm có mặt người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện, đã có mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND huyện Y. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp nhận đơn xin xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là đúng quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung kháng cáo yêu cầu hủy phần Quyết định giải quyết về 379,57m² đất và công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho ông, bà đối với phần đất này theo quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013:

Ông A, bà A1 cho rằng đã sử dụng ổn định, liên tục từ đó đến nay, đã có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất vào năm 2011 và xuất trình “Biên bản họp cơ quan ngày 26/01/1990” và các văn bản làm chứng của ông NLC 1, bà Nguyễn L (nguyên Trưởng Phòng giáo dục và đào tạo huyện Y); bà Trần Thị Hòa, bà NLC 2 (nguyên trưởng phòng Tài nguyên môi trường), bà NLC 6, ông NLC 5, ông NLC 3 (nguyên là cán bộ, giáo viên thuộc Phòng giáo dục và đào tạo huyện Y). Xem xét các chứng cứ này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

+ Về nguồn gốc đất: Ông bà thừa nhận Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Y cho mượn sử dụng. Theo quy định tại Điều 1 của Luật đất đai 1987 “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý”. Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Y không phải là cơ quan có thẩm quyền giao đất theo quy định của Luật này; đất cũng không thuộc quyền quản lý hợp pháp của Phòng giáo dục huyện vào thời điểm này. “Biên bản họp cơ quan ngày 26/01/1990” chỉ là văn bản nội bộ cơ quan, không có giá trị xác định ông A, bà A1 được cơ quan có thẩm quyền giao đất. Qua xác minh ngày 29/3/2017, Phòng giáo dục đào tạo huyện Y cũng không lưu giữ giấy tờ gì về việc cho ông, bà mượn đất. Từ sau năm 1990, ông A, bà A1 cũng chưa đứng tên kê khai đăng ký đất đai, không có tên trong sổ sách địa chính. Theo bản đồ đo đạc năm 1997, phần đất này thuộc thửa đất 22 tổng diện tích 1559m² (liền kề thửa đất số 23 tổng diện tích 2.493m² của Phòng Giáo dục), không ghi tên người sử dụng đất.

+ Về quá trình sử dụng đất, ông A và bà A1 cho rằng đã sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1990 đến nay:

Các lời khai của ông A ngày 10/11/2014 (BL 143C) do Phòng Tài nguyên Môi trường lập, ông *thừa nhận chỉ trồng ngô, sắn, khoai lang, trâu đến 7/1998,*

từ đó đến nay không canh tác trồng hoa màu nữa do cây sắn ít giá trị, hơn nữa tuổi cao nên đã bỏ hoang mấy năm nay...hiện trên đất vẫn còn cây trầu; gia đình dự định tiếp tục khai phá đất khi nào quốc lộ 4 làm xong. Năm 2011 có kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận nhưng không được giải quyết...Lời khai ngày 10/11/2014- bl 143), ông NLC 1 (cũng là người được Phòng Giáo dục đồng ý cho sử dụng phần đất liền kề đất ông A, bà A1; phần đất này cũng nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp cho ông M, bà L nhưng đã bị thu hồi): ...gia đình tôi có canh tác, sử dụng trồng hoa màu đến hết năm 1993 không sử dụng nữa, sau đó ông M đến sử dụng làm nhà ở...thời gian này có thấy ông bà A sử dụng, sau năm 1993 không rõ ông bà có sử dụng hay không...Ngày 21/10/2014, bà NLC 2 trình bày (Bl 141): Từ năm 1990 đến 1993 tôi thấy ông A bà A1 có canh tác, sau năm 1993 không rõ...Lời khai những người có đất giáp đất tranh chấp: Ông Vương K (có đất tiếp giáp phía sau, BL 157, 140) cũng chỉ xác nhận khoảng năm 1990 có thấy vợ chồng ông trồng sắn, dây lang, không rõ diện tích; ông bà không sử dụng từ thời gian nào không rõ nhưng đến năm 2000 ông Khánh san ủi đất thì không thấy ông bà có trồng cây gì trên đất...Ông Hoàng D (Bl 143): Có thấy vợ chồng ông A sử dụng một phần đất từ năm 1990-1993 sau đó không sử dụng nữa.... Ngày 10/11/2014 (BL 143C), UBND Thị trấn X và các bên liên quan xác minh thực địa, thể hiện trên đất có nhà do ông M làm, 1 cây vải, 1 cây nhãn do vợ chồng ông M trồng từ 1997; và 1 cây trầu khô (ông bà xác định là cây của mình). Trong biên bản ngày 16/01/2015 UBND Thị trấn X làm việc với vợ chồng ông (do ông xuất trình), ông bà thừa nhận từ năm 1998 chỉ trồng trầu đến năm 2005 không rõ ai chặt hết, đến ngày 30/11/2014 thì trên đất chỉ còn 1 cây trầu chết khô...

Về diện tích đất sử dụng: Giấy cho mượn đất năm 1990 do ông A xuất trình không ghi diện tích. Những người xác nhận cho ông A cũng không nêu cụ thể diện tích, vị trí chính xác thửa đất. Quá trình UBND huyện giải quyết khiếu nại, ông A chỉ khai đất có chiều 10m dài x sâu giáp đất hộ ông Khánh (Lời khai ngày 16/01/2014). Đối chiếu trích lục thửa đất tranh chấp (BL 55), thì chiều sâu phần đất này đến giáp đất ông Khánh chỉ là 17,4m - như vậy theo ông A thì diện tích đất ông sử dụng chỉ khoảng 174m². Sau này ông A mới yêu cầu công nhận 379,57m², như vậy thể hiện ông, bà do không sử dụng, bỏ hoang từ nhiều năm.

Do đó, tuy ông bà có một thời gian sử dụng đất, nhưng sau đó không có điều kiện, nhu cầu nên không tiếp tục sử dụng nữa. Ông, bà cũng không được cơ quan có thẩm quyền giao đất hợp pháp, cũng chưa có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai để làm căn cứ công nhận quyền sử dụng. Trong khi đó, điều kiện để được cấp GCN đất trong trường hợp người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 101 Luật đất đai số 45/2013 phải là người đang sử dụng đất ổn định, liên tục. Do đó, Đoạn 2 Điều 1 của Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang đã xác định “Ông Nguyễn A không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSD đất đối với 397,57m² đất trồng cây lâu năm” là đúng quy định nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm

đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà A1 về việc hủy phần quyết định nêu trên, là có căn cứ.

Do UBND huyện Y có sai phạm trong việc để ông Dương M kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nên Quyết định 2047/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang có nội dung xử lý sai phạm đối với cá nhân vi phạm và cán bộ địa chính, cơ quan có liên quan. Đối với 322,3m² đất ông M đã làm thủ tục chuyển nhượng cho 3 cá nhân khác và đều đã được cấp GCN, mục 4 Điều 2 Quyết định trên có nội dung *thu hồi số tiền chuyển nhượng nộp ngân sách do hưởng lợi bất hợp pháp; hủy bỏ 3 GCN này và thực hiện việc cấp đổi GCN sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền do hưởng lợi bất hợp pháp do chuyển nhượng tặng cho*. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ông A, bà A1 không được công nhận quyền sử dụng đối với phần đất này nên mục 4 Điều 2 Quyết định 2047/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang không xâm phạm đến quyền lợi của ông bà; Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà A1 là đúng.

Từ sự phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện nên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Kháng cáo không được chấp nhận nên **ông Nguyễn A, bà Hoàng A1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn A và bà Hoàng A1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2017/HC-ST ngày 01/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn A và bà Hoàng A1 về việc yêu cầu hủy đoạn 2 Điều 1 và hủy mục 4 Điều 2 của Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn A và bà Hoàng A1 phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số BB/2012/02617 ngày 19/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang được trừ đi số tiền án phí phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/12/2017.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

Phan Thị Vân Hương

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA

Phan Thị Vân Hương